

NGHỊ ĐỊNH số 66-CP ngày 1-12-1960 quy định biện pháp thu thuế doanh nghiệp đối với các đại lý, ủy thác mua và bán hàng của Mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Thông tư số 437-TTg ngày 18-12-1954 của Thủ tướng Chính phủ về thuế doanh nghiệp;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 4-10-1960,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Để bảo đảm tích lũy vốn cho Nhà nước, thúc đẩy hạch toán kinh tế của các Công ty mậu dịch quốc doanh và các cơ sở hợp tác xã mua bán, đồng thời phục vụ tốt cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư doanh, mở rộng lưu thông hàng hóa, nghị định này quy định biện pháp thu thuế doanh nghiệp đối với các đại lý, ủy thác mua và bán hàng của Mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán.

I. ĐỐI VỚI CÁC ĐẠI LÝ, ỦY THÁC BÁN HÀNG

Điều 2. — Các đại lý, ủy thác bán hàng cho Mậu dịch quốc doanh nộp thuế doanh nghiệp 3% trên doanh số bán ra; Mậu dịch quốc doanh nộp 2,5% trên doanh số bán (hoặc giao) hàng cho các tổ chức đó.

Điều 3. — Các cơ sở hợp tác xã mua bán, các xí nghiệp công tư hợp doanh, các tổ hợp tác cao cấp được ủy thác bán hàng cho Mậu dịch quốc doanh nộp thuế doanh nghiệp 2,5% trên doanh số bán ra; Mậu dịch quốc doanh nộp 2,5% trên doanh số bán (hoặc giao) hàng cho các tổ chức đó.

Điều 4. — Các đại lý, ủy thác do Mậu dịch quốc doanh sử dụng để bán gạo, muối, phốt-phát, sách báo và được hưởng hoa hồng, nộp thuế doanh nghiệp 7% trên số tiền hoa hồng, Mậu dịch quốc doanh nộp 2,5% trên doanh số bán hàng cho các tổ chức đó.

Điều 5. — Các tổ chức hợp tác hay người được hợp tác xã mua bán ủy thác bán các loại hàng do hợp tác xã mua bán buôn lại của Mậu dịch quốc doanh, được miễn thuế doanh nghiệp; hợp tác xã mua bán nộp 2,5% trên doanh số bán ra của tổ chức hợp tác hay người được ủy thác.

Điều 6. — Các tổ chức hợp tác hay người được hợp tác xã mua bán ủy thác bán các loại hàng do hợp tác xã mua bán tự kinh doanh, nộp thuế doanh nghiệp 3% trên doanh số bán ra; hợp tác xã mua bán nộp 2,5% trên doanh số của hợp tác xã bán (hoặc giao) hàng cho tổ hợp tác hay người được ủy thác.

II. ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HAY NGƯỜI ĐƯỢC ỦY THÁC MUA HÀNG

Điều 7. — Đối với phần kinh doanh của hợp tác xã mua bán thu mua giúp lương thực, thực phẩm cho Mậu dịch quốc doanh và hưởng hoa hồng, thì được miễn thuế doanh nghiệp;

Ngoài trường hợp trên, thì hợp tác xã mua bán phải nộp thuế doanh nghiệp 2,5% trên doanh số bán hàng.

Điều 8. — Hợp tác xã nông nghiệp (hay Ủy ban hành chính xã) được Mậu dịch quốc doanh hay hợp tác xã mua bán ủy thác thu mua nông phẩm, các tạp phẩm, phế phẩm và được hưởng hoa hồng thì miễn thuế doanh nghiệp.

Điều 9. — Các tổ chức hợp tác, người được Mậu dịch quốc doanh hay hợp tác xã mua bán ủy thác mua các loại lương thực và thực phẩm chính như thóc, gạo, ngô, đỗ, lạc, vừng, khoai, sắn, thịt, cá và được hưởng hoa hồng hay hưởng thù lao, thì miễn thuế doanh nghiệp.

Nếu tổ chức hợp tác hay người được ủy thác mua các loại hàng khác và được hưởng hoa hồng, thì vẫn phải nộp thuế doanh nghiệp 7% trên số hoa hồng; trường hợp không phải là ủy thác hưởng hoa hồng, thì phải nộp thuế doanh nghiệp 3% trên doanh số bán hàng cho Mậu dịch quốc doanh hay hợp tác xã mua bán.

Điều 10. — Các người được Mậu dịch quốc doanh hay hợp tác xã mua bán ủy thác mua hàng và bán hàng có tính chất làm công ăn lương, không phải nộp thuế doanh nghiệp.

Điều 11. — Ông Bộ trưởng Bộ Tài chính và ông Bộ trưởng Bộ Nội thương chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành nghị định này.

Hà nội ngày 1 tháng 12 năm 1960.

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 67-CP ngày 1-12-1960 quy định chế độ thuế thu vào các nghề làm gia công cho Mậu dịch quốc doanh và các cơ quan Nhà nước.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ thông tư số 437-TTg ngày 18-12-1954 của Thủ tướng Chính phủ về thuế doanh nghiệp và nghị định số 563-TTg ngày 31-7-1955 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về thuế lợi tức doanh nghiệp;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 5-10-1960;